TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2024/QĐCNTTLH	*Thanh Ba, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của: Chị Phan Thị KA và anh Đàm Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị KA.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 3 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Chị **Phan Thị KA**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: TDP3, tt T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- *Người bị kiện:* Anh **Đàm Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu A, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 3 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị KA** và anh **Đàm Văn T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh T đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu: **Đàm Kiều P**, sinh ngày 09/02/2018 (đang ở cùng chị A). Kể từ sau ly hôn, chị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị A, số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), tự túc lao động được. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị A và anh T không yêu cầu giải quyết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu TA.

Trần Đình Xuân